

Số: 75/2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2021

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: 24/9/2021

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 và Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 quy định tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (sau đây gọi là Chương trình).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Chương trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

a) Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách trung ương để hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (dự án, đề tài, đề án) và các hoạt động chung, nhiệm vụ thường xuyên của Chương trình do trung ương trực tiếp quản lý, gồm:

- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia của Chương trình (do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý): Bao gồm các nhiệm vụ đảm bảo các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện; trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ thực hiện ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn và các nhiệm vụ có tính chất điển hình, phức tạp, có tính đặc thù về chuyên môn theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ (do các Bộ, cơ quan trung ương quản lý): Bao gồm các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ;

- Các hoạt động chung và nhiệm vụ thường xuyên thực hiện Chương trình do Trung ương quản lý.

b) Nguồn chi ngân sách địa phương:

- Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình do địa phương quản lý; chỉ các hoạt động chung và nhiệm vụ thường xuyên thực hiện Chương trình do địa phương quản lý; đối ứng thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia triển khai tại địa phương (trong trường hợp cần thiết huy động thêm nguồn lực của địa phương). Trong đó ưu tiên kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ về đăng ký bảo hộ, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương, sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP);

- Nguồn chi ngân sách địa phương bố trí để lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác thuộc thẩm quyền quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương và doanh nghiệp.

2. Nguồn kinh phí khác, gồm:

- a) Kinh phí của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình;

- b) Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác

1. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo

phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, trong đó:

a) Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí đối với các nhiệm vụ quy định tại điểm c khoản 1; khoản 2; các điểm a, b và c khoản 3 và khoản 6 Mục II Điều 1 Quyết định số 2205/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1; điểm d và đ khoản 3; khoản 4 và khoản 5 Mục II Điều 1 Quyết định số 2205/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ căn cứ theo nhiệm vụ được phê duyệt theo nguyên tắc như sau:

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ);

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp và các tổ chức khác: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Chương II của Thông tư này và các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

2. Các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình cần xây dựng phương án huy động các nguồn tài chính, trong đó nêu đầy đủ nhu cầu về kinh phí, chi tiết theo từng nguồn nêu tại Điều 2 của Thông tư này và thuyết minh rõ khả năng huy động các nguồn tài chính để thực hiện.

3. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm chủ động huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, sử dụng và giải ngân nguồn kinh phí huy động theo đúng phương án huy động các nguồn tài chính, đảm bảo về cơ cấu theo tỷ lệ với nguồn ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

4. Nội dung và mức chi từ nguồn kinh phí khác được thực hiện theo các quy định hiện hành đối với từng loại nguồn vốn, khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành. Thông tư này quy định một số nội dung cụ thể như sau:

1. Lập dự toán: Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ của Chương trình, căn cứ vào các nhiệm vụ được phê duyệt và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này để lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp chung vào dự toán của các Bộ, ngành, địa phương (theo phân cấp quản lý ngân sách) gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và phối hợp thực hiện.

2. Việc phân bổ, giao dự toán, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn. Trong đó:

a) Đối với dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia của Chương trình, dự toán kinh phí giao về Bộ Khoa học và Công nghệ để ký hợp đồng với cơ quan chủ trì thực hiện;

b) Đối với dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, địa phương và cấp cơ sở (nếu có) của Chương trình, dự toán kinh phí giao về các bộ, địa phương và đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện.

3. Trong trường hợp nhiệm vụ không thực hiện theo đúng kế hoạch, việc huy động, giải ngân các nguồn kinh phí khác không đúng tiến độ, hoặc không đúng với cơ cấu và tổng mức quy định tại Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc theo hợp đồng đã ký; kinh phí được giao sử dụng sai mục đích, sai chế độ:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý Chương trình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý như sau: Đình chỉ nhiệm vụ; hoặc xuất toán khoản chi sai, thu hồi nộp ngân sách nhà nước khoản chi sai (đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước), yêu cầu đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ xử lý khoản chi sai (đối với nguồn kinh phí khác) và các hình thức xử lý khác theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bị đình chỉ nhiệm vụ; thu hồi các khoản chi sai chế độ đã thanh toán tại Kho bạc nhà nước: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý Chương trình có trách nhiệm ban hành Quyết định xử lý đình chỉ nhiệm vụ, thu hồi các khoản chi sai chế độ, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước để làm căn cứ thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

Điều 5. Nhiệm vụ tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ

1. Cung cấp dịch vụ thông tin sở hữu trí tuệ, bản đồ sáng chế. Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao. Hỗ trợ hình thành và phát triển

các tổ chức cung cấp dịch vụ phân tích thông tin sáng chế và dự báo xu hướng phát triển công nghệ.

a) Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN) và các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước.

2. Xây dựng và triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về sở hữu trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 6. Nhiệm vụ thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước

1. Đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới:

a) Đối với đăng ký bảo hộ trong nước:

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 30 triệu đồng/đơn;

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.

b) Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

c) Đối với nhiệm vụ do các Bộ, cơ quan trung ương quản lý, mức kinh phí quy định tại điểm a và điểm b khoản này là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước, trong trường hợp phát sinh thêm các chi phí khác (nếu có), các đơn vị tham gia Chương trình tự đảm bảo;

Đối với nhiệm vụ do địa phương quản lý, căn cứ vào các công việc có liên quan, điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương để thực hiện.

2. Đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương, sản phẩm gắn với Chương trình OCOP hoặc biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. Dự